

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2024

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 151/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Bà Nguyễn Thị C.D, sinh năm 1997; nơi cư trú: Số xx đường K 1, phường H, TP Đà Nẵng.

+ Ông Đặng Công Tuyên, sinh năm 1996; nơi cư trú theo giấy chứng nhận kết hôn: 51xx Ne xxxTH place, renton, wa 9xxxx, Hoa Kỳ (Hộ chiếu số: C214xxx1, Cục quản lý Xuất nhập cảnh cấp ngày 06/9/2016); tạm trú: Số xx đường K 1, phường H, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C.D và ông Đặng C.T tự nguyện đăng ký kết hôn số xx/2023 vào ngày 30 tháng 01 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Đà Nẵng (cũ). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà Duyên và ông Tuyên sống chung tại 17 Kim Liên 1, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng một thời gian. Đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục đời sống hôn nhân nên bà Nguyễn Thị C.D và ông Đặng C.T cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét sự thuận tình ly hôn của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận là có cơ sở, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị C.D và ông Đặng C.T không có con chung.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[4] Lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị C.D và ông Đặng C.T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Nguyễn Thị C.D và ông Đặng C.T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị C.D và ông Đặng C.T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị C.D và ông Đặng C.T đã nộp theo biên lai thu số 0001714 ký ngày 12 tháng 8 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị C.D và ông Đặng C.T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND KV4-Đà Nẵng;
 - Phòng THADS KV4-Đà Nẵng;
 - UBND phường ;
- (Số CNKH: 03/2023, ngày 30/01/2023
Tại UBND quận L cũ);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(*đã ký*)

Nguyễn Thị Mỹ Loan